TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**
Số: **23** /QĐ - TA	*K, ngày 01 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

1. Thẩm phán chủ trì phiên họp: Ông Phạm Thế Anh;
2. Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án.

Có sự tham gia của:

1. Đại diện cơ quan đề nghị: Phòng Lao động Thương binh và Xã Hội huyện K: Bà Trần Thu H, chuyên viên.
2. Đại diện VKSND huyện K: Ông Ninh Trọng K, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định mở phiên họp số 22/QĐ - TA ngày 26/7/2024 đối với:

Người bị đề nghị: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 2000; Nơi cư trú: xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hóa: 6/12;

Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G.

Tiền án, tiền sự: Có 02 tiền sự về hành vi " Sử dụng trái phép chất ma túy"

Vắng mặt tại phiên họp.

NHẬN THẤY:

Ngày 15/6/2024 Công an xã K phát hiện Nguyễn Văn N sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức "Trích" heroin; tại bản tường trình và biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính được lập cùng ngày Nguyễn Văn N khai nhận sử dụng ma túy từ năm 2022. Kết quả xét nghiệm tìm chất ma túy ngày 15/6/2024 cũng như phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy ngày 20/6/2024 N nghiện ma túy.

Ngày 24/6/2024 Công an xã K đã lập biên bản yêu cầu N phải đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế nhưng bản thân N không đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo quy định của pháp luật; đến ngày 05/7/2024 phát hiện N tiếp tục sử dụng ma túy.

Ngày 15/7/2024 Chủ tịch UBND xã K hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N.

Tại phiên họp, đại diện Phòng L: Đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình, địa chỉ: xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình với thời hạn từ 18-24 tháng.

Tại phiên họp, Đại diện VKSND huyện K có quan điểm: Hồ sơ việc xem xét quyết định áp dụng biện pháp hành chính đối với Nguyễn Văn N đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào cơ sỏ cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N và thời hạn áp dụng của Phòng L đề nghị là có căn cứ cần được chấp nhận.

XÉT THẤY:

Người bị đề nghị Nguyễn Văn N bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức "Trích" heroin vào ngày 15/6/2024, Nguyễn Văn N tự khai nhận đã sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2022; kết quả xét nghiệm tìm chất ma túy ngày 15/6/2024 và phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy ngày 20/6/2024 xác định N nghiện ma túy. Chính quyền địa phương và gia đình tạo điều kiện cho N cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế nhưng bản thân N không thực hiện, đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật phòng chống ma túy. Đến ngày 05/7/2024 phát hiện N tiếp tục sử dụng ma túy.

Do đó Chủ tịch UBND xã K hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật phòng chống ma túy và khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính là cần thiết, có căn cứ.

Như vậy Nguyễn Văn N là người nghiện ma túy, nhưng không đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thể hiện rõ Nam không từ bỏ và không quyết tâm cai nghiện ma túy, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phuo9wng. Do đó đề nghị Tòa án nhân dân huyện K áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cow sở cai nghiện bắt buộc đối với Nam của Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện K là thỏa đáng, cần được chấp nhận.

Người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính Nguyễn Văn N có nhân thân tốt, lần đầu vi phạm nên thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với N được xác định ở mức thấp nhất của đề xuất do Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện K đề nghị.

Trình tự lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân huyện K xem xét ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N đảm bảo đúng quy định tại Điều 40, 41, 42, 43 Nghị định 116/2021/NĐ-CP.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng các Điều 95, 96, 103, 104 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi năm 2020); khoản 1 Điều 32 Luật phòng chống ma túy; Căn cứ các Điều 3, 22, 23, 31

Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình, địa chỉ: xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có quyền khiếu nại Quyết định này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định; Cơ quan đề nghị có quyền kiến nghị, Viện KSND có quyền kháng nghị đối với Quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

5. Công an huyện K và Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện K có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng LĐTB và Xã hội;
- UBND xã K;
- Người bị áp dụng biện pháp HC;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

2. Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí; tạm ứng lệ phí, lệ phí Tòa án

** Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí*

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

- Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; giải quyết những vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

- Người yêu cầu cấp dưỡng, xin xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.

- Người khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng hoặc thi hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Người yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín.

- Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

** Trường hợp miễn nộp tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án* khi giải quyết yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại,

lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này, gồm:

- Trẻ em; người cao tuổi.

- Cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

- Người khuyết tật.

- Người có công với cách mạng.

- Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

Lưu ý:

- Trường hợp các đương sự thỏa thuận một bên chịu toàn bộ án phí hoặc một phần số tiền án phí phải nộp mà bên chịu toàn bộ án phí hoặc một phần số tiền án phí phải nộp thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí thì Tòa án chỉ xem xét miễn án phí đối với phần mà người thuộc trường hợp được miễn phải chịu.

- Phần án phí, lệ phí Tòa án mà người đó nhận nộp thay người khác thì không được miễn nộp.

3. Giảm tạm ứng án phí, án phí

- Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án có xác nhận của UBND cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp.

Lưu ý: Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp vẫn phải chịu toàn bộ án phí, lệ phí Tòa án khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có căn cứ chứng minh người được giảm tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án không phải là người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có tài sản để nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí

Tòa án.

- Theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì họ có tài sản để nộp toàn bộ tiền án phí, lệ phí Tòa án mà họ phải chịu.

Trên đây là những trường hợp được miễn giảm án phí, tạm ứng án phí; người đề nghị được miễn giảm phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm.

Mẫu số 17-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN[1]....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:..../...../QĐ-BPKCTT[2]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNHÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Căn cứ vào khoản[3]..... Điều 111 và khoản 1 Điều 112 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời….[4] của[5].....; địa chỉ[6]:

…….là[7]..... trong vụ án[8]

đối với[9].....; địa chỉ[10]:

là[11]..... trong vụ án nói trên;

Sau khi xem xét các chứng cứ liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

Xét thấy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời[12]

là cần thiết[13]

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời …….quy định tại Điều[14] của Bộ luật tố tụng dân sự;[15]

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
(Ghi những nơi mà Toà án phải cấp hoặc gửi theo quy định tại khoản 2 Điều 139 của Bộ luật tố tụng dân sự và lưu hồ sơ vụ án).	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

- Nếu áp dụng bổ sung thì sau hai chữ *"áp dụng"* ghi thêm hai chữ "bổ sung".

- Nếu thuộc trường hợp Tòa án tự mình ra quyết định áp dụng (áp dụng bổ sung) biện pháp khẩn cấp tạm thời thì bỏ từ *"sau khi xem xét đơn yêu cầu"* cho đến *"trong vụ án nói trên"*.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 17-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi rõ: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐ-BPKCTT).

(3) Nếu trong quá trình giải quyết vụ án (thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 111 của Bộ luật tố tụng dân sự) thì ghi khoản 1; nếu cùng với việc nộp đơn khởi kiện (thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 111 của Bộ luật tố tụng dân sự) thì ghi khoản 2; nếu Toà án tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 111 của Bộ luật tố tụng dân sự) thì ghi khoản 3.

(4) Ghi biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể đã được ghi trong đơn yêu cầu (ví dụ: "buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm" hoặc "kê biên tài sản đang tranh chấp").

(5) và (6) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của người làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

(7) và (8) Ghi tư cách đương sự của người làm đơn trong vụ án cụ thể mà Tòa án đang giải quyết.

(9) và (10) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của người bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

(11) Ghi tư cách đương sự của người bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Chú ý: *Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 111 của Bộ luật tố tụng dân sự thì không ghi các mục (7), (8) và (11).*

(12) Ghi biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể đã được ghi trong đơn yêu cầu.

(13) Ghi lý do tương ứng quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 111 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ví dụ: "để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự" hoặc "để bảo vệ chứng cứ" hoặc "để bảo đảm việc thi hành án" (khoản 1 Điều 111 của Bộ luật tố tụng dân sự); "do tình thế khẩn cấp, cần phải bảo vệ ngay bằng chứng, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra" (khoản 2 Điều 111 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(14) Ghi tên biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án áp dụng và điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự mà Tòa án căn cứ (ví dụ: Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 116).

(15) Ghi quyết định cụ thể của Tòa án (ví dụ 1: nếu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 116 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "Buộc ông Nguyễn Văn A1 phải thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền là... đồng (hoặc đồng/tháng) cho bà Lê Thị B"; ví dụ 2: nếu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 124 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "Phong toả tài khoản của Công ty TNHH Đ tại Ngân hàng B1, chi nhánh tại thành phố H số tiền là... đồng").

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

————————

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….(1)

Số: ……../……/QĐ-TA(2)

…., ngày ….. tháng …. năm …

QUYẾT ĐỊNH

THÔNG BÁO TÌM KIẾM NGƯỜI VẮNG MẶT TẠI NƠI CƯ TRÚ

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……

Căn cứ Điều 383, Điều 384, Điều 385 và Điều 386 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ(3)…….. Bộ luật Dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số …./…. /TLST-DS(4) ngày …. tháng …. năm về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo đơn yêu cầu của(5)…… ; địa chỉ: ……

QUYẾT ĐỊNH

1. Thông báo tìm kiếm ông/bà(6) …….

Địa chỉ cư trú trước khi biệt tích: …….

Ông/bà(7) ……. vắng mặt tại nơi cư trú từ ngày….. tháng….. năm …….

2. Khi biết được thông báo này, đề nghị ông/bà(8)…… liên hệ với Tòa án nhân dân ……theo địa chỉ ……..hoặc ai biết được tin tức về ông/bà(9) …..thì thông báo cho Tòa án nhân dân……. (theo địa chỉ như trên), Ủy ban nhân dân(10)…… ,người yêu cầu.

3. Về việc quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú(11) ……

4. Quyết định này đương nhiên hết hiệu lực khi ông/bà(12)…… trở về.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

– Đương sự,[13]…….. ;

– Ghi theo khoản 1 Điều 385 Bộ luật Tố tụng dân sự;

– Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

3. Hướng dẫn soạn thảo quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú:

Người soạn thảo Mẫu quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú phải đảm bảo đầy đủ về nội dung và hình thức cho văn bản nhằm thể hiện một mẫu quyết định chính xác và có hiệu lực.

Theo đó về hình thức mẫu quyết định, người soạn thảo cần đáp ứng về các lưu ý soạn thảo sau:

Góc trái trên cùng của văn bản: Ghi tên của Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền;

Góc phải trên cùng của văn bản: Là vị trí đặt quốc hiệu và tiêu ngữ; quốc hiệu "**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**" phải được viết in hoa, bôi đậm; tiêu ngữ "**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**" viết in thường, bôi đậm.

Phía dưới quốc hiệu tiêu ngữ là ngày tháng năm thực hiện mẫu quyết định, cần ghi chính xác thời gian này;

Chính giữa văn bản là Mẫu quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú ;

ĐỒNG HỒ BẢN SAO

Đồng hồ quý ông - Lịch lãm - Rolex bản sao giảm giá 90% 5 chiếc

TÌM HIỂU THÊM

Về nội dung mẫu quyết định: các căn cứ ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú , nội dung quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và trách nhiệm của các chủ thể liên quan về quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 28-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra thông báo tìm kiếm; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2018/QĐ-TA).

(3) Tùy từng trường hợp mà ghi các điều luật tương ứng của Bộ luật Dân sự.

(4) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ 2 ghi năm thụ lý việc dân sự.

(5) Nếu người làm đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú là cá nhân thì ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn yêu cầu).

(6) Ghi họ tên, ngày tháng năm sinh hoặc tuổi của người cần thông báo tìm kiếm vắng mặt tại nơi cư trú.

(7), (8), (9) và (12) Ghi họ tên của người vắng mặt tại nơi cư trú.

(10) Ghi tên và địa chỉ trụ sở của Ủy ban nhân dân nơi người bị thông báo tìm kiếm cư trú trước khi biệt tích.

(11) Trường hợp có yêu cầu áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú và được chấp nhận thì ghi quyết định của Tòa án về việc giao quản lý tài sản, nghĩa vụ và quyền của người quản lý tài sản theo quy định tại Điều 65, Điều 66 và Điều 67 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không có yêu cầu áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú thì ghi "không có yêu cầu".

(13) Nếu người yêu cầu có người đại diện hợp pháp thì ghi họ tên người đại diện hợp pháp của họ.